TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 - AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 07 - 7 - 2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Quang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Văn Hiển.

Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Huỳnh Thanh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 – An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 469/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 511/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Hoàng A, sinh năm 1988 (căn cước công dân 089088026108); cư trú tại: Số 28, tổ 01, ấp B, xã C, tỉnh An Giang. Có mặt

- *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị Thuỳ D, sinh năm 1989 (căn cước công dân 089189024395); cư trú tại: Tổ 14, ấp M, xã V, tỉnh An Giang. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 31/12/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Hoàng A trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông A và bà D do quen biết, tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2022 mới thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã M (nay là UBND xã V). Thời gian sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, bà D tự ý quyết định mọi vấn đề về tiền bạc

trong gia đình mà không cho ông A biết. Từ đó vợ chồng thường xảy ra tranh cãi, không có tiếng nói chung, hiện đã ly thân khoảng 01 (một) năm nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông A yêu cầu ly hôn với bà D.

- Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Trần Hải Đ, sinh ngày 05/4/2015. Khi ly hôn ông A yêu cầu nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà D cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10/3/2025 bị đơn bà Huỳnh Thị Thùy D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà D kết hôn với ông A vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M (nay là là UBND xã V). Nay bà D không đồng ý ly hôn, bà yêu cầu ly thân một thời gian để con ăn học, sau một năm cảm thấy không còn tình cảm thì sẽ ly hôn.

- Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Trần Hải Đ, sinh năm 2012. Nếu ly hôn thì bà D yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu Ông A cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, tại biên bản hòa giải ngày 10/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú (nay là Tòa án nhân dân khu vực 13 – An Giang) bị đơn bà Huỳnh Thị Thùy D có mặt trình bày ý kiến nhưng không đồng ý ký tên vào biên bản. Nội dung bị đơn bà Huỳnh Thị Thùy D trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất với ông A về thời gian và điều kiều kiện kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn, không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm, không còn hạnh phúc. Bà thừa nhận công việc làm ăn thất bại, gây nợ nhưng bà tự chịu nhưng vì thương con nên bà không muốn ly hôn vì sợ ảnh hưởng đến con. Bà yêu cầu ly thân thêm 01 (một) năm rồi ly hôn, hiện bà và ông A không còn tình cảm.

- Về con chung: Nếu ông A quyết định ly hôn thì bà yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông A cấp dưỡng và không cho ông A thăm nom con.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn ông Trần Hoàng A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn. Về con chung tên Trần Hải Đ hiện đang sống với bà D, khi ly hôn ông đồng ý giao con chung cho bà D nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng cho con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông A, cho ông A ly hôn với bà D.

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung tên Trần Hải Đ cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng, về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đề nghị xem xét.

- Về án phí dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn cư trú tại xã V, tỉnh An Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang thụ lý giải quyết là đúng với quy định pháp luật.

[1.2] Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông A và bà D xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M (nay là UBND xã V) theo giấy chứng nhận kết hôn số 185 ngày 24/8/2022. Do đó, hôn nhân của ông bà là hợp pháp nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 9 và Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và phải có nghĩa vụ chung sống với nhau. Tuy nhiên, ông A và bà D đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; cả hai đã sống ly thân hơn 01 (một) năm nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để ông bà đoàn tụ nhưng ông A cương quyết ly hôn; bà D thống nhất vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, không còn hạnh phúc, hiện không còn tình cảm với nhau nhưng bà không đồng ý ly hôn vì sợ ảnh hưởng đến con chung, yêu cầu ly thân thêm 01 (một) năm thì quyết định ly hôn. Từ những lời trình bày nêu trên thấy rằng hôn nhân của ông bà thực tế đã lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân dân tối cao, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông A là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Xét thấy, con chung tên Trần Hải Đ hiện đang sống với bà D, khi ly hôn ông A thống nhất giao cho bà D nuôi dưỡng, bà D cũng có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Do đó, để ổn định về tâm lý, về môi trường sống,

điều kiện học tập, nơi ở và đảm bảo sự phát triển bình thường của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung tên Trần Hải Đ cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng: Ông A không phải cấp dưỡng cho con chung do bà D không yêu cầu.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí dân sự: Ông A phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bà D không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9; Điều 19; Điều 51; Điều 56; Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân dân tối cao;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Hoàng A được ly hôn với bà Huỳnh Thị Thùy D.

- Về con chung: Bà Huỳnh Thị Thùy D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Trần Hải Đ, sinh ngày 05/4/2015. Ông A không phải cấp dưỡng cho con chung.

+ Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

+ Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

- Về án phí dân sự: Ông Trần Hoàng A phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009366 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13 - An Giang).

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND KV13 – An Giang;
- PTHADS KV13 – An Giang;
- UBND xã V;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Quang